TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 928/2024/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 19 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 578/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Văn C , sinh năm: 1979; Địa chỉ: 14/45/1 Đường số 7, Phường X, quận Y, TP. HCM;
- Bà Trần Thu N , sinh năm: 1980; Địa chỉ: 105 đường H, Phường N, quận Y, TP. HCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thu N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx/1999 ngày 24/11/1999 của Ủy ban nhân dân Phường T, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 25/4/2024 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11/7/2024, ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thu N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Bà Trần Thu N là người trực tiếp nuôi con chung, hàng tháng ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con là 2.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 7/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Đương sự khai là không có.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thu N thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không có tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thu N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số xx/1999 ngày 24/11/1999 của Ủy ban nhân dân Phường T, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 24/02/20yy (đã trưởng thành); Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 15/01/20yy và Nguyễn Thiên A, sinh ngày 16/12/20yy. Bà Trần Thu N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Thiên A. Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm cấp dưỡng cho hai con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Thi hành tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền kể từ tháng 7/2024.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thu N phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0013619 ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Thanh Bửu Tịnh